

# Từ Thực Dân Đến Cộng Sản Một kinh nghiệm lịch sử của Việt Nam

Hoàng Văn Chí

## Chương 4 – Cộng sản xuất hiện

*Dấu cường nhược có lúc khác nhau  
Song hào kiệt đời nào cũng có*  
(“Bình Ngô đại cáo”, 1427)

Lịch trình phát triển của cộng sản ở Việt Nam, kể từ ngày có những tiểu tổ cộng sản đầu tiên trên đất Việt cho đến ngày toàn thể Bắc Việt nằm dưới chế độ vô sản chuyên chính, có thể tạm chia làm sáu giai đoạn, mỗi giai đoạn là một phong trào đấu tranh thuận theo hoàn cảnh và tình hình lúc bấy giờ. Vì vậy nên mỗi phong trào có một khẩu hiệu, một chương trình giai đoạn và một chiến lược khác nhau. Việc điều khiển từ bên ngoài cũng thay đổi mỗi thời kỳ một khác. Có khi Việt cộng trực tiếp nhận huấn thị từ Moscou hoặc Bắc Kinh, có khi phải thông qua một trạm liên lạc đặt ở Quảng Châu, Thượng Hải, Bangkok, hoặc Paris. Đại để thì sau mỗi cuộc đấu tranh rầm rộ, hoặc bị khủng bố quá nặng nề, hoặc vì chia rẽ nội bộ, phong trào lại tạm lắng yên trong một thời gian. Sáu phong trào chính, đáng nêu lên là:

- Phong trào Thanh niên (1925-1929)
- Phong trào Xô viết Nghệ An (1930-1932)
- Phong trào Mặt trận Bình dân (1936-1937)
- Phong trào Việt Minh (1941-1946)
- Phong trào Kháng chiến (1946-1954)
- Phong trào Cải cách ruộng đất (1953-1956)

Mục đích của phong trào Cải cách ruộng đất là thiết lập nền “vô sản chuyên chính”. Sự thực thì phong trào này đã được bố trí từ năm 1951 bằng đạo luật Ban bố Thuế nông nghiệp và cuộc đấu tranh chính trị (xem Chương 7). Trong chương này chúng tôi chỉ kể qua năm phong trào đầu với mục đích làm sáng tỏ phong trào thứ sáu mà chúng tôi sẽ trình bày cặn kẽ trong các chương sau, vì phong trào thứ sáu này mới thực sự áp dụng chiến thuật Mao Trạch Đông để thiết lập chế độ cộng sản ở Việt Nam.

### Phong trào Thanh niên

Chỉ mấy tháng sau khi ông Hồ được Đệ tam Quốc tế phái sang Quảng Châu, năm 1925, là ông tổ chức ngay Việt Nam Thanh niên Cách mệnh Đồng chí Hội. Giả dạng là người Tàu, ông Hồ theo chân phái bộ Nga sang Quảng Châu với chức vụ công khai là thông dịch viên cho phái bộ, nhưng kỳ thực ông không có trách nhiệm nào khác là tìm cách truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào nội địa Việt Nam. Ông mang thông hành Tàu, ghi tên là Lý Thụy, nhưng đối với một số Việt kiều ở Quảng Châu ông nói thực là người Việt. Ông lấy bí danh là Vương Sơn Nhi nên nhiều người thường gọi ông là ông Vương. Có một điều đáng chú ý là thuở ấy, vì mới bắt đầu hoạt động cách mạng, nên ông đã dùng lối “triết tự” vì ba chữ Vương Sơn Nhi gộp lại thành chữ Thụy. Vì vậy nên những người Việt có học chữ Nho biết ngay Vương Sơn Nhi với Lý Thụy chỉ là một. Cũng vì sơ hở nên chẳng bao lâu mọi người đều biết ông là Nguyễn Ái Quốc, một cán bộ cộng sản đã từng nổi tiếng ở Pháp. 15 năm sau, ông trở lại vùng này với một tên khác là Hồ Chí Minh, nhưng ông hết sức bí mật nên không ai đoán được tông tích của ông, kể cả ông Nguyễn Tường Tam cùng bị giam trong một nhà tù. Quảng Châu là trung tâm cách mạng của Tôn Dật Tiên và hồi ấy hãy còn là thủ đô chính trị và hành chính của chính phủ Quốc dân Đảng. Việc thiết lập trường Trung ương quân sự chính trị ở Hoàng Phố, gần đây, biến Quảng Châu thành một trung tâm phản đế thu hút một số thanh niên ở khắp Đông Nam Á, tới đây để nghiên cứu chính trị và luyện tập quân sự. Việt Nam chiếm đa số trong nhóm này.

Tới Quảng Châu vào đầu năm 1925, ông Hồ bắt đầu tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mệnh Đồng chí Hội để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Nhưng vì những người Việt Nam lưu vong ở Quảng Châu đã có thân trong các đoàn thể quốc gia có sẵn từ trước, nên ông Hồ phải tự nhận là quốc gia, làm thân với mấy lãnh tụ quốc gia với mục đích thu hút những đảng viên thanh niên trong mấy tổ chức này. Ông Hồ biết rõ những người Việt lớn tuổi đã có căn bản Nho giáo vững chắc, khó lòng tin theo chủ nghĩa Mác-xít, nên ông chỉ chú trọng đến những phần tử thanh niên, cựu học sinh các trường Pháp Việt và do đó đã hấp thụ được ít nhiều Tây học. Rất may mắn cho ông là chỉ một năm sau, hàng trăm thanh niên bãi khóa năm 1925, bị khủng bố,

chạy trốn sang Tàu. Trong số những thanh niên mới xuất ngoại này, ông Phạm Văn Đồng, hiện nay là thủ tướng Bắc Việt là người học cao nhất. Ông Đồng đang học trường Bưởi, sửa soạn thi tú tài thì bãi khoá và bị đui. Những thanh niên khác đều học ở các lớp dưới, nhưng tất cả đều có một điểm giống nhau: họ không có lấy một chút Nho học, mặc dầu họ đều xuất thân trong các gia đình Nho học.

Ông Hồ giảng dạy cho các đồng chí thanh niên của ông một số bài về cách mạng Nga, lý thuyết Mác-xít về đấu tranh giai cấp và một vài tác động cách mạng. Ông dạy họ cách in truyền đơn bằng thạch, cách vận động dân chúng biểu tình, xúi giục công nhân đình công, v.v. Chương trình huấn luyện của ông chỉ có sáu tháng là xong. Cuối năm 1925, ông đã huấn luyện xong một khoá, tuyển lựa những người xuất sắc vào ban lãnh đạo thanh niên còn những người khác thì phải về Việt Nam tuyên truyền tôn chỉ của hội và bí mật tuyển mộ thêm hội viên. Trụ sở của hội đặt ở Quảng Châu. Ban trung ương phụ trách xuất bản tờ báo lấy tên là *Thanh niên* và phiên dịch những tài liệu cộng sản từ chữ Tàu sang tiếng Việt. Những loạt tài liệu đầu tiên này thường dịch không sát nghĩa, vì ngay những người Tàu dịch từ nguyên bản tiếng Nga hoặc tiếng Đức sang tiếng Tàu đã dịch sai rồi, đến khi dịch từ tiếng Tàu sang tiếng Việt lại sai thêm một lần nữa. Có nhiều danh từ người Tàu dịch sai như cộng sản (của chung) hoặc vô sản (không có cửa) vẫn còn dùng cho đến ngày nay, nhưng dùng mãi nên quen. Vì dịch không đúng nên hồi ấy các tài liệu nói về chủ nghĩa Mác-xít rất khó hiểu. Mãi mấy năm nay, khi có những tài liệu cộng sản xuất bản ở Pháp sang tới Việt Nam, nhiều người mới có dịp nghiên cứu cặn kẽ chủ nghĩa Mác-xít.

Vì ông Hồ đã được huấn luyện chính trị ở Moscou trong những năm Stalin mới cầm quyền nên ông hết sức tin tưởng hai nguyên tắc căn bản của lý thuyết Stalin-nít. Muốn thành lập vô sản chuyên chính nhất thiết phải trải qua hai giai đoạn,

- một cuộc cách mạng tư sản dân quyền trước,
- rồi một cuộc cách mạng vô sản sau.

Cách mạng tư sản dân quyền dọn đường cho cách mạng vô sản. Chỉ có giai cấp công nhân mới có đủ tài đức để lãnh đạo cách mạng. Giai cấp nông dân, vì bản chất hẹp hòi háms lợi, nên chỉ có thể coi là “bạn lâu dài” của cách mạng.

Vì gắn bó với nguyên tắc thứ nhất, nên trong thời kỳ đầu ông Hồ trông chờ một phần nào ở sự thành công của phe quốc gia, ông đợi họ bắc một nhịp cầu để ông bước qua tiến tới cách mạng vô sản, y hệt như Lê-nin đã thực hiện ở Nga. Vì vậy nên coi những phần tử quốc gia như “bạn giai đoạn”, mặc dầu ông vẫn tìm hết cách để lán át. Thực dân Pháp trông thấy cộng sản tranh chấp với quốc gia và nhiều lần phản bội phe quốc gia, nên nhẹ tay một phần nào với cộng sản. Pháp trông thấy ở cộng sản một địch thủ lợi hại đối với quốc gia và hy vọng cộng sản sẽ tiêu huỷ phe quốc gia mà Pháp ghét nhất vì Pháp cho họ là những phần tử “cực đoan chống Pháp”. Tuy những khẩu hiệu của cộng sản cũng chống đối thực dân, nhưng tương đối không dữ dội bằng khẩu hiệu của phe quốc gia. Vì tin ở nguyên tắc thứ hai nên trong thời kỳ đầu, ông Hồ chú trọng tuyên truyền và tổ chức công nhân, nhiều hơn nông dân. Ông chủ trương huấn luyện chủ nghĩa Mác-xít cho một số trí thức nữa mùa rồi dùng họ để tuyên truyền và tổ chức công nhân ở mấy trung tâm kỹ nghệ, thành lập những tiểu tổ cộng sản.

Chương trình của ông Hồ và của Đệ tam Quốc tế là như vậy. Nhưng có nhiều biến cố xảy ra khiến cộng sản mất uy tín đối với nhân dân và đưa lại những hậu quả không tính trước.

- Việc đầu tiên là các tiểu tổ cộng sản thiếu tiền để hoạt động, và muốn “kinh tài”, họ tổ chức “tổng tiền” các nhà giàu. Vì chỉ mới được huấn luyện qua loa nên những đảng viên cộng sản đầu tiên coi bất cứ người khá giả nào cũng là “kẻ thù” của “vô sản”. Giới tư sản lúc đầu có cảm tình với cộng sản, nhưng sau vì bị tổng tiền nhiều quá nên hết tín nhiệm. Vì cộng sản tổng tiền khắp nơi, nên chính quyền thuộc địa cũng được dịp khẹp cán bộ cộng sản vào tội “cướp của giết người” và giam họ cùng với thường phạm.
- Việc thứ hai là vụ ông Hồ chủ trương bắt cụ Phan nộp cho Pháp khiến cho phe quốc gia bắt đầu ngờ vực và cắt đứt mọi liên lạc.
- Việc không ngờ thứ ba là năm 1927, đột nhiên Tưởng Giới Thạch trở tay “phản cộng”, bắt thành linh tiêu diệt đồng minh cộng sản đương cộng tác với ông trong cuộc hành quân Bắc phạt. Việc “trở mặt” của họ Tưởng chặn đứng công cuộc vận động của Nga ở Trung Hoa và ở khắp Á Đông. Trưởng phái bộ Nga là Michael Borodin đã từng làm cố vấn chính trị cho Trung Hoa Quốc dân Đảng từ thời ông Tôn Văn phải vội vã rời khỏi Trung Hoa, mang theo tất cả nhân viên phái bộ, trong số có ông Hồ.

Hôm Trường Giới Thạch ra lệnh giết cộng thì ông Hồ đang huấn luyện chính trị cho các đảng viên thanh niên. Ông đình ngay lớp học và khuyến cáo các đảng viên ai nấy nên tìm cách thoát thân về nước. Hôm sau, một đảng viên gặp ông ở Quảng Châu, tỏ ý lo ngại và vấn kế ông. Ông Hồ lấy bút chì viết vào mảnh giấy bốn chữ “Tuế hàn tùng bá” và trao cho anh ta. Ý ông Hồ muốn nói là trong cơn khủng bố, những người cách mạng phải giữ vững tinh thần và chỉ có những lúc cách mạng điều đứng mới rõ ai là người vững tinh thần cũng như mùa đông rét mướt mới thấy rõ cây tùng và cây bá vẫn giữ được màu xanh, lâu hơn các cây khác.

Từ Quảng Châu Borodin chạy lên Hán Khẩu để hội đàm với Uông Tinh Vệ, vì họ Uông cũng chống Trường và chiếm cứ Hán Khẩu, thành lập chính phủ Vũ Hán. Borodin hứa Liên Xô sẽ giúp Uông chống Trường đến cùng, nên Uông bằng lòng thực hiện cải cách ruộng đất để lôi kéo nông dân. Nhưng rốt cuộc, Uông không nghe lời Borodin và đầu hàng Trường. Sau đó toàn thể phái đoàn Nga, trong số có ông Hồ phải lên đường về Moscow. Từ ngày ấy trở đi, phong trào cộng sản Á châu chuyển sang một hướng mới, không theo ý muốn của Đệ tam Quốc tế.

Trước khi lên đường về Nga, ông Hồ chọn người lớn tuổi nhất trong đám thanh niên, tức là ông Hồ Tùng Mậu, để thay thế ông điều khiển Thanh niên Cách mệnh Đồng chí Hội. Ông Mậu là người rất xứng đáng vì ông cũng khôn ngoan và cẩn thận như ông Hồ. Ông Hồ dặn ông Mậu nhất thiết phải bám sát đường lối đã vạch sẵn, nghĩa là tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác dưới hình thức chống thực dân. Ông Hồ cũng dặn là nên tránh những khẩu hiệu quá khích, có tính cách đấu tranh giai cấp và có thể gây ảnh hưởng xấu đối với giai cấp tư sản Việt Nam mà cộng sản còn đang cần sự ủng hộ. Ông Mậu theo đúng lời ông Hồ dặn nhưng chẳng may chỉ một năm sau, ông Mậu bị Quốc dân Đảng Tàu bắt. Người thay thế ông Mậu là Lâm Đức Thụ, và tư cách ông Lâm Đức Thụ như thế nào chúng ta đã thấy rõ trong Chương 2.

Tháng 5, 1927, Thụ triệu tập Toàn quốc Đại hội tại Hồng Kông. Trong nước phái đại biểu sang dự, nhưng ba đại biểu tỏ ý bất bình vì nhận thấy Thụ sinh sống một cách quá xa hoa. Hắn ở một khách sạn vào bậc sang nhất, uống rượu whisky và hút xì gà Manila loại hảo hạng. Họ trông rõ tổng bộ ở Hồng Kông đã “hủ hoá” và “hữu khuynh” nên khi họ đề nghị bỏ Thanh niên, lập Cộng sản, và đề nghị của họ bị Thụ bác bỏ, họ đập cửa ra về. Về tới quốc nội, họ tự động thành lập một đảng cộng sản, mệnh danh là Đông Dương Cộng sản Đảng. Thấy đảng này phát triển mạnh, Thụ thấy cần phải đổi Thanh niên Cách mệnh Đồng chí Hội thành một đảng cộng sản khác, mà Thụ đặt tên là An Nam Cộng sản Đảng. Cùng lúc ấy, một số đảng viên Tân Việt tả khuynh cũng lập một đảng cộng sản thứ ba, lấy tên là Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Như vậy là cùng một lúc, trong nước có đến ba đảng cộng sản tranh chấp với nhau. Pháp được dịp đàn áp và không bao lâu hầu hết các đảng viên ba đảng đều bị bắt, và phong trào cộng sản hoàn toàn suy sụp.

## Phong trào Xô-viết Nghệ An

Về tới Moscow, ông Hồ được Đệ tam Quốc tế phái sang Berlin hoạt động cho Liên hiệp Phản đế, nhưng chẳng bao lâu, ông lại được phái sang Bangkok là nơi Đệ tam Quốc tế mới đặt trụ sở Nam Hải Vụ. Ông Hồ làm việc dưới sự chỉ huy của một đảng viên cộng sản Pháp tên là Hilaire Noulens. Ông phụ trách tuyên truyền và tổ chức Việt kiều ở mấy tỉnh đông bắc nước Xiêm, gần biên giới Lào. Việt kiều ở Xiêm khá đông và gồm có hai loại. Một loại gọi là “An Nam cũ” là con cháu những người theo chúa Nguyễn chạy sang Xiêm từ cuối thế kỷ thứ 18. Loại thứ hai là “An Nam mới” gồm những người buôn bán ở Lào, có dịp sang Xiêm, rồi thấy ở Xiêm dễ sinh nhai, nên ở luôn bên ấy, ngoài ra còn một số người cách mạng trốn Pháp, chạy sang Lào rồi qua Xiêm. Nhiều người đã quên tiếng Việt và đã sinh hoạt y hệt người Thái, nhưng họ vẫn tha thiết với quê hương đất tổ. Đối với họ, ông Hồ lại tái diễn chiến lược của ông đã áp dụng với Việt kiều ở Tàu.

Một hôm ông Hồ đang hoạt động ở miền đông bắc nước Xiêm thì một người lái buôn cùng làng bắt gặp và nhận ra ông. Người này về kể chuyện lại với người làng và khi tin này đến tai nhóm cộng sản ở Nghệ An, họ bèn cử người sang tìm ông Hồ, khẩn khoản yêu cầu ông tìm cách giải quyết vấn đề chia rẽ nội bộ, hiện rất trầm trọng. Ông Hồ nhận lời, nhưng mãi một năm sau ông mới được Đệ tam Quốc tế cho phép. Một điều đáng chú ý là ông Hồ đã từng hoạt động ở Trung Hoa mà nay lại phải đổi sang Xiêm, thuộc một khu vực văn hoá khác hẳn. Việc này cũng như nhiều việc khác chứng tỏ, sau khi thất bại thảm hại ở Trung Hoa và nhất là sau khi Mao Trạch Đông đi trái đường lối của Đệ tam Quốc tế, Stalin đã tỏ ý chán ghét cộng sản Tàu. Vì bỏ rơi Trung cộng, nên Stalin cũng bỏ rơi luôn cả Việt cộng mà Stalin coi là một chi nhánh. Nhận định rằng cộng sản da trắng ngoan ngoãn hơn và trung thành hơn cộng sản da vàng, Stalin đưa ra kế hoạch “tập hậu” các đế quốc tư bản bằng cách ra lệnh cho các đảng cộng sản Pháp, Anh, Hà Lan tổ chức cộng sản ở các thuộc địa

của mấy nước này ở Đông Nam Á. Vì vậy nên Nam Hải Vụ càng ngày càng quan trọng hơn Đông Á Vụ. Nhưng từ 1930 trở đi, Stalin lại nhận thấy rằng cộng sản không thể bành trướng ở mấy thuộc địa này, nếu không có sự tham gia của Hoa kiều, vì hồi đó Hoa Kiều tương đối giác ngộ chính trị nhiều hơn dân địa phương. Trụ sở liên lạc lại đưa trở về Thượng Hải, và sau này về Hồng Kông. Trong khi ấy thì Mao Trạch Đông đã tiến dần về phía Tây, bỏ trống miền duyên hải. Thấy không còn ảnh hưởng của họ Mao, Stalin lại để ý đến miền này vì là miền khá nhiều công nghệ và công nhân, và cử một phái đoàn tới Thượng Hải để lo xây dựng lại phong trào. Nhờ chủ trương mới này, ông Hồ mới có dịp trở về Hoa Nam, gặp lại các đồng chí cũ của ông mà trong mấy năm liền ông không được phép liên lạc.

Ngày 6 tháng Giêng năm 1930, ông Hồ triệu tập đại biểu ba đảng cộng sản đến Hồng Kông, “đả thông tư tưởng” và hợp nhất ba đảng làm một lấy tên là “Đảng Cộng sản Việt Nam”, nhưng mười tháng sau đổi lại là “Đảng Cộng sản Đông Dương”, có ý bao gồm cả Lào và Cam-Bốt. Để đi sát với phong trào trụ sở của Tổng bộ cũng đưa về quốc nội, đặt tại Hải Phòng. Sau công tác này, ông Hồ được chỉ định làm Vụ trưởng Đông Á vụ và giữ việc liên lạc giữa Moscou và tất cả các cơ quan hoạt động của Đệ tam Quốc tế tại Đông và Đông Nam Á châu.

Vì trách nhiệm quá lớn, và bao biện nhiều việc nên ông Hồ phải uỷ thác phong trào Việt Nam cho các đồ đệ của ông. Những người này đều là thanh niên chưa chín chắn như ông Hồ, và vì phần đông đã được huấn luyện bên Tàu nên họ dễ bị ảnh hưởng của cộng sản Trung Hoa. Vì được chứng kiến vụ Quảng Châu Công xã, vụ nông dân bạo động ở Hồ Nam, nên phần khởi muốn noi gương bạo động của Trung cộng. Việc Việt Nam Quốc dân Đảng bị thất bại đau đớn năm 1930 cũng kích thích họ muốn làm hơn phe quốc gia. Một mặt khác, nạn kinh tế khủng hoảng trên thế giới đã tràn tới Việt Nam và làm cho nông dân Việt Nam điêu đứng. Năm nào cũng được mùa mà thóc thừa thãi, nhưng gạo không xuất cảng được khiến từ địa chủ đến bần cố nông đều sống dở chết dở. Nông thôn bị kiệt quệ khiến thương gia ở thành thị cũng bị phá sản. Tất cả mọi tầng lớp nhân dân đều “méo mặt” duy chỉ có công chức là, trái lại, phong lưu hơn trước. Vì lương vẫn y nguyên, vì nạn giảm phát, giá trị đồng bạc tăng lên 4, 5 lần. Công nhân những xí nghiệp lớn cũng được coi là may mắn vì số lương tuy có bị giảm đi ít nhiều, nhưng dù sao cũng còn “đồng ra đồng vào”, không như các tầng lớp khác trong dân gian, không chạy đâu ra tiền đồng gạo và đóng thuế.

Vì công nhân và công chức tự thấy may mắn hơn người khác nên phải cố bám lấy việc làm. Vì vậy Việt cộng không thể vận động họ đấu tranh theo đúng chủ trương của Đệ tam Quốc tế. Ngược lại, vì nông dân mỗi ngày một điêu đứng nên tình hình nông thôn sẵn sàng bùng nổ. Họ chết đói trong khi gạo phải dùng để đốt “xúp de”. Đứng trước tình trạng ấy, Việt cộng không kim hãm nổi ý thích bắt chước Trung cộng tổ chức nông dân khởi loạn. Nhân ngày 1-5-1930, họ huy động nông dân kéo đến huyện lỵ biểu tình đông như kiến. Chính phủ thuộc địa dùng lính Lê dương đàn áp, nã liên thanh vào đoàn người biểu tình. Bị thất bại, các lãnh tụ cộng sản ở Nghệ An rút lui về một vài căn cứ và tuyên bố thành lập chính quyền Xô-viết, theo in hệt kế hoạch của Mao Trạch Đông đã từng áp dụng ở Hồ Nam từ bốn năm trước. Nhưng sở dĩ ông Mao còn duy trì được phong trào vì ông đã tổ chức Hồng quân để kháng cự với quân đội “Tàu phỉ” của Tưởng Giới Thạch, không lấy gì làm oai hùng lắm. Còn Việt cộng thì hồi đó chưa hề tổ chức dân quân nên không thể nào chống cự nổi sự đàn áp của lính Lê dương. Vài tháng sau phong trào Xô-viết Nghệ An hoàn toàn tan vỡ và đến cuối năm 1931 tất cả các đảng viên cộng sản đều bị Pháp bắt và đưa đi tù đầy.

Về phần ông Hồ thì ông bị người Anh bắt ở Hồng Kông cuối năm 1931. Được tha, có lẽ là vào khoảng năm 1932 (không có tài liệu đích xác về ngày ông được tha) ông đi Singapore, bị bắt tại đây rồi điệu trở về Hồng Kông. Vì bị bệnh lao, hoặc khai là vậy, ông được đưa về bệnh viện rồi đột nhiên ông mất tích. Chính quyền Anh ở Hồng Kông không hề tuyên bố về việc ông Hồ đã biến mất trong trường hợp như thế nào, nhưng có dư luận ngờ rằng ông đã bí mật thoả thuận với mật thám Anh là nếu để ông thoát, ông sẽ giúp họ một việc quan trọng nào đó. Việc này cũng rất có thể vì trước kia ông Hồ đã từng thoả thuận như vậy với mật thám Pháp (Chương 2). Báo *Daily Worker*, cơ quan của Đảng Cộng sản Anh đăng một tin vắn tắt, nói ông Hồ đã chết vì bệnh lao trong khám đường Hồng Kông nên cả mật thám Pháp lẫn cộng sản Việt Nam đều tin là thực. Năm 1933, mật thám Pháp ghi vào hồ sơ Nguyễn Ái Quốc là đã chết ở Hồng Kông. Không ai biết ông Hồ đi đâu, nhưng có điều chắc là từ ngày ông biến khỏi Hồng Kông cho đến năm 1941 ông im hơi lặng tiếng trên trường chính trị, không hề liên lạc với Đảng Cộng sản Đông Dương (1.)

Ngoài ông Hồ và một số nhân viên cao cấp trong điện Kremlin, không ai có thể biết ông ở đâu và làm gì trong thời gian tám năm ông biệt tích. Ngay đến Nguyễn Khánh Toàn, dạy Việt văn ở Moscou từ 1927 cũng tin là ông Hồ đã chết thực. Sau khi về nước, Toàn có tâm sự với một số bạn bè nổi ngạc nhiên khi thỉnh thoảng

ông Hồ tới nhà, vào đầu năm 1941. Ông Hồ đến để rủ Toàn về nước hoạt động cách mạng. Toàn đồng ý và chỉ mấy ngày sau, giấy tờ làm xong, hai người đáp tàu xuyên Si-bê-ri về Diên An. Toàn cũng tiết lộ một câu chuyện về đời tư của ông Hồ. Toàn nói, mấy giờ sau khi hai người lên đường, một thiếu phụ người Nga đến gõ cửa, nói là đã làm vợ ông Hồ trong khi ông lưu trú tại Moscou. Đối với những người quá bí mật như ông Hồ thì ai nói gì chúng ta hăng biết làm vậy, không nên tin hẳn mà cũng không nên gạt hẳn.

Nhưng xét cho cùng thì câu chuyện của Toàn cũng không phải hoàn toàn vô lý, vì chính ngay Toàn, đã có vợ Nga và có con ở Moscou, mà khi ghé qua Diên An cũng “có” ngay một cô vợ Tàu, đẻ luôn hai con. Rồi khi về Việt Nam năm 1946, lại về một mình, và hai năm sau “chính thức” lấy một con gái điền chủ mới 17 tuổi (hồi ấy Toàn đã 50). Hình như Đệ tam Quốc tế có lệ cung cấp “vợ giai đoạn” cho những cán bộ quốc tế vì thường xuyên phải lưu động và giữ tông tích bí mật nên không mang gia đình theo được. Những “vợ” của các cán bộ đi, lại được “gán” cho các cán bộ đến, thành một thứ “vợ luân chuyển”. Việc thiếu tướng Nguyễn Sơn sau khi bỏ vợ ở Diên An về nước được Hội Phụ nữ Cứu quốc gán hết nữ cán bộ này đến nữ cán bộ khác cho phép chúng ta ngờ rằng những việc “kiếm vợ” cho các cán bộ lưu động thuộc trách nhiệm các đoàn thể phụ nữ địa phương.

Việc Toàn rất đỗi ngạc nhiên khi thấy ông Hồ đột nhiên đến nhà tăng thêm giá trị, giả thuyết ông Hồ đã bị “cắm cổ” tại một địa điểm nào đó trong nội địa Liên Xô từ 1933 đến 1941. Đây chỉ là một giả thuyết, nhưng có một điều chắc chắn là năm 1941 ông đến Diên An với Toàn lần đầu tiên. Giả thuyết ông bị Stalin đưa đi cắm cổ cũng dựa trên một lý luận khác nữa. Hồi phong trào Xô-viết Nghệ An phát khởi, thái độ của ông Hồ không được rõ rệt. Hình như ông không tán thành, nhưng ông không hề ngăn cản, hoặc ngăn cản không nổi. Trong khoá chỉnh huấn năm 1953-54, Đảng uỷ có giảng là ông Hồ bỏ phiếu chống việc phát động nhân dân bạo động, theo kiểu Mao Trạch Đông mà Stalin cho là phản lại đường lối Lê-nin, nhưng vì chỉ có một mình ông chống, nên vì thiếu số, ông phải phục tùng đa số, câu chuyện này cốt ý đề cao tinh thần phục tùng đa số của ông Hồ.

Dù ông Hồ không ngăn cản, hoặc ngăn cản không nổi, đây cũng là lần đầu tiên ông phạm khuyết điểm về lãnh đạo, và không làm tròn nhiệm vụ Stalin và Đệ tam Quốc tế đã giao phó cho ông. Có lẽ vì ông Hồ phạm khuyết điểm về phong trào Xô-viết Nghệ An nên Stalin mới quyết định giao trách nhiệm lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương lại cho Maurice Thorez, lãnh tụ cộng sản Pháp. Stalin phải “đưa” ông Hồ đi khuất một chỗ, nếu không phải là để trừng phạt, thì cũng là để Thorez có điều kiện nắm trọn quyền, vì nếu ông Hồ còn lảng vảng ở Á Đông, thì rất có thể Việt cộng vẫn tiếp tục nghe theo ông Hồ mà không chịu tuân lệnh Thorez. Vắng mặt ông Hồ, Đảng Cộng sản Pháp nghiêm nhiên làm trung gian giữa Moscou và Việt cộng. Thể thức này tồn tại trong mười năm, cho đến ngày Thế chiến thứ Hai cắt đứt mọi giao thông giữa Pháp và Việt Nam. Chính sách dùng cộng sản “mẫu quốc” thay mặt Moscou điều khiển cộng sản “thuộc quốc” bắt buộc Đệ tam Quốc tế phải thay đổi chiến lược. Vì cộng sản thuộc quốc từ nay phải tuân theo lệnh cộng sản mẫu quốc nên Đệ tam Quốc tế không cho đề cao tinh thần dân tộc và bắt phải gác bỏ các khẩu hiệu chống thực dân, thay thế bằng những khẩu hiệu chống tư bản. Từ đây, tuyên truyền cộng sản không đả kích chính quyền thuộc địa mà chỉ đả kích tư bản Pháp và Việt.

Đệ tam Quốc tế cũng thu xếp cho Việt cộng ở Pháp và một số ở Nga lên đường về nước. Phần lớn về Nam Kỳ vì nhờ có chế độ thuộc địa tương đối rộng rãi hơn chế độ bảo hộ nên họ dễ bề hoạt động hơn. Họ xúi giục công nhân các xí nghiệp và các đồn điền đấu tranh chống “bọn sài lang da trắng và da vàng” đang hút máu mủ giai cấp công nhân. Phong trào phát triển rất mạnh, nhưng lần này cộng sản Đệ tam không nắm được độc quyền vận động vì cộng sản Đệ tứ cũng ở Pháp về cạnh tranh với họ rất gắt gao. Nói chung cộng sản Đệ tứ gồm nhiều trí thức xuất sắc hơn, nên được giới trí thức và tiểu tư sản Nam Kỳ hâm mộ hơn. Nhưng phần đông quần chúng vẫn do cộng sản Đệ tam nắm vững. Đồng thời các đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương còn đang bị giam trong các nhà tù dùng thì giờ nhàn rỗi để tra dồi lại lý thuyết Mác-Lê và giảng dạy chính trị cho nhau. Nhiều cựu đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng như Trần Huy Liệu chẳng hạn, quay theo cộng sản trong dịp này. Họ ùa theo cộng sản quá nhiều đến nỗi một cựu đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng ở Côn Đảo tập hợp các đồng chí cũ lại rồi tự đâm cổ để cảnh cáo họ về tội phản bội tôn chỉ quốc gia và làm hổ uy danh của các bậc tiền bối. Nhưng dần dà, lý tưởng quốc gia cũng bị coi là hẹp hòi, lỗi thời và phần đông cho rằng số phận Việt Nam sau này hay, hay dở, là do ở sự thành bại của các đảng tả phái bên Pháp. Vì vậy nên khi Mặt trận Bình dân lên nắm chính quyền ở Pháp, họ lại càng tin tưởng và phấn khởi.

Vì ở mẫu quốc chính quyền đột nhiên thay đổi, nên chính phủ Đông Dương bị bờ ngõ, không biết nên xử trí với cộng sản ra sao. Tiếp tục khủng bố thì sợ trái với chính sách mới của mẫu quốc, mà không khủng bố thì sợ cộng sản làm già. Vì chính quyền địa phương do dự nên phong trào bộc phát rất nhanh chóng. Trong Nam, Stalin-nít và Tờ-rốt-kít thi nhau hoạt động. Nhưng vì Tờ-rốt-kít không phục cộng sản Pháp và không tin nhiệm Mặt trận Bình dân nên có thể công kích chính quyền thuộc địa dữ dội hơn cộng sản Đệ tam, và vì vậy nên được dân chúng hâm mộ hơn. Vì phải tuân lệnh Moscou, không được phép đả kích thực dân nên cộng sản Đệ tam khó ăn khó nói. Ở ngoài Bắc thì trí thức thuộc mọi xu hướng chính trị tập hợp, xuất bản một tờ báo tiếng Pháp lấy tên là *Le Travail*, vì chỉ có báo viết bằng Pháp văn mới được xuất bản không cần phải xin phép và không bị kiểm duyệt. Nhóm *Le Travail* gồm nhiều người yêu nước không đảng phái, một số Đệ tam mới ở tù ra, một cộng sản Đệ tứ (Đệ tứ rất bành trướng trong Nam nhưng hầu như không có ở ngoài Bắc) và hai cựu đảng viên Tân Việt là Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp. Hai người này đã gia nhập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn từ 1930 (2.)

Trong mấy tháng đầu, nhóm *Le Travail* hợp tác chặt chẽ và gây nhiều hào hứng trong nhân dân. Sau đó, những người Pháp có chân trong Đảng Xã hội S.F.I.O thành lập hai chi nhánh của Đảng, một ở Hà Nội và một ở Sài Gòn, thu nhận người Việt làm đảng viên. Vì họ trực thuộc đảng Xã hội Pháp đang nắm chính quyền bên mẫu quốc nên chính quyền thuộc địa tỏ ý kính nể và để mặc họ đấu tranh bên vực thợ thuyền và chống những bất công xã hội. Cộng sản đứng ngoài tiếp tay bằng cách huy động công nhân biểu tình, đình công để ủng hộ những yêu sách của Đảng Xã hội. Một kết quả tưng bừng của cuộc hợp tác này là lễ kỷ niệm ngày 1 tháng 5, 1937. Đảng Xã hội đứng lên tổ chức, nhưng cộng sản huy động hai vạn quần chúng tới dự và biểu tình, tuần hành khắp Hà Nội.

Sau khi Mặt trận Bình dân lên nắm chính quyền ở Pháp được ít lâu thì chính quyền Đông Dương ra lệnh ân xá cho tất cả chính trị phạm. Được thả ra, các đảng viên cộng sản lập tức hoạt động lại. Nhưng lần này họ rất thận trọng. Họ chia làm hai nhóm, một nhóm chuyên về hoạt động công khai (Đặng Xuân Khu, Hạ Bá Cang<sup>3</sup>, v.v.) một nhóm bí mật (Phạm Văn Đồng, Lê Văn Hiến, v.v.) phụ trách việc xây dựng lại các tiểu tổ. Nhóm công khai do Đặng Xuân Khu lãnh đạo, xâm nhập báo *Le Travail* và mưu đả phá nhóm Tờ-rốt-kít. Nhưng chẳng bao lâu tờ báo cũng bị kiện và đóng cửa. Sau đó, cộng sản Đệ tam tổ chức một nhóm riêng, xuất bản hai tờ báo, một tờ tiếng Pháp lấy tên là *Rassemblement*, và một tờ báo tiếng Việt lấy tên *Tin tức*, nhưng cả hai đều nặng mùi cộng sản và không có trí thức ngoài đảng tham gia nên bán không chạy. Dần dần nhân dân mất hào hứng. Chính phủ Mặt trận Bình dân tỏ ra không kém thực dân hơn các chính phủ trước. Chương trình “cách mạng” của Mặt trận chỉ biểu lộ bằng những lời hứa hão, và nếu cần vẫn áp dụng chính sách khủng bố. Sau khi Mặt trận Bình dân ở Pháp tan rã thì phong trào Mặt trận Bình dân ở Việt Nam cũng tiêu tan và tiếp đến là Thế chiến thứ hai.

Đảng Xã hội ngừng hoạt động, còn cộng sản thì lảng lạng lui vào bóng tối. Vì giao thông giữa Pháp và Việt Nam bị cắt đứt, nên đảng cộng sản Pháp không thể nào chỉ huy cộng sản đàn em ở Việt Nam được nữa. Tuy không bạo động, Mặt trận Bình dân cũng ảnh hưởng rất nhiều đến chuyển biến sau này của cách mạng Việt Nam. Chính nhờ dịp này mà lần đầu tiên báo chí, sách vở cộng sản xuất bản ở Paris và ở Moscou tràn ngập các hiệu sách Việt Nam và cũng là lần đầu tiên mà trí thức và tiểu tư sản Việt Nam có tài liệu chính xác về lý thuyết Mác-xít. Hệ thống tư tưởng Mác-xít bắt đầu thay thế cho ý niệm thô sơ của xu hướng quốc gia. Công chúng quan tâm nhiều đến chế độ dân chủ hơn là độc lập quốc gia, và theo quan niệm của nhiều người thì cộng sản là một thứ dân chủ tuyệt đối. Vì được thụ hưởng ít nhiều quyền lợi dưới thời Mặt trận Bình dân nên công nhân coi cộng sản là kẻ chính thức đứng ra bên vực họ. Nông dân hồi đó chưa biết đọc, biết viết nên không hiểu Mác-xít, Stalin-nít là nết tẻ gì cả, nhưng họ cũng lấy làm bùi tai khi nghe cán bộ cộng sản hứa sẽ chia đều ruộng đất. Cộng sản tuyên truyền để họ gia nhập những hội tương thân, tương trợ do cán bộ cộng sản kiểm soát. Những đảng viên cộng sản hồi đó phần lớn thuộc thành phần khá giả trong nông thôn, địa chủ, hoặc phú nông không có địa vị trong làng, xã và thường bị quan lại áp bức.

Cộng sản lui vào bí mật nhưng vẫn nắm vững các tiểu tổ gồm 1 vạn đảng viên thực thụ và số cảm tình còn đông hơn. Nhưng 1939 cho đến 1941 cộng sản mất dần uy thế, một phần vì chính quyền khủng bố, một phần vì sau khi quân đội Nhật kéo vào Việt Nam, nhân dân Việt Nam bỗng nhiên quay lại xu hướng quốc gia. Một mặt khác, vì Liên Xô ký hiệp ước bất xâm phạm với Đức Quốc xã và giữ thái độ trung lập đối với Nhật nên Việt cộng, cũng như cộng sản tất cả các nước khác đều lúng túng không biết làm ăn sao, nói làm sao. Nhưng mặc dầu ngậm miệng, họ vẫn giữ vững lòng tin và nắm vững quần chúng của họ không cho lý tưởng quốc gia xâm nhập. Sau cùng, họ gặp hai may mắn là Nhật Bản trịnh trọng tuyên bố tôn trọng chủ quyền thực dân của Pháp ở Đông Dương và Liên Xô, bị Đức tấn công, nghiễm nhiên trở thành đồng minh của các nước dân chủ

Tây phương. Việt cộng liền đưa ngay ra khẩu hiệu “tiêu diệt cả thực dân Pháp lẫn phát xít Nhật”. Khi Nhật bị yếu thế và các lãnh tụ cộng sản trốn sang Tàu trở về với danh nghĩa “giải phóng”, uy tín cộng sản lại lên rất cao. Đây là phong trào Việt Minh.

---

- (1) Ngày nay Việt cộng nói ông Hồ ở Diên An và có gửi bài về đăng báo Le Travail (1937) nhưng đây là chuyện hoàn toàn bịa đặt.
- (2) Mai và Giáp đều là “con nuôi” của Louis Marty, giám đốc phòng chính trị của phủ toàn quyền. Marty kiếm việc cho Mai dạy học ở trường Gia Long mà giám đốc là Bailey, một người Pháp, và giao Giáp, hãy còn là sinh viên, cho Mai trông coi. Trong khi những đảng viên Tân Việt khác bị tù đày hoặc cầm cố thì hai người ung dung sống ở Hà Nội cho đến ngày Giáp được Pháp đưa sang Tàu theo Việt Minh chống Nhật. Giáp có theo học lớp “chiến tranh du kích” do Mỹ mở ở Tĩnh Tây, nhưng không bao giờ lên Diên An. Giáp và Mai coi nhau là “anh em kết nghĩa” nhưng sau khi vợ Giáp chết trong tù, Giáp lấy cô Hà, con gái Mai kém Giáp gần 20 tuổi mà trước kia Giáp vẫn bế trong tay hồi còn là “chú cháu”.
- (3) Đặng Xuân Khu bây giờ là Trường Chinh, Hạ Bá Cang bây giờ là Hoàng Quốc Việt.